

Nghiên cứu các giải pháp hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa nhằm nâng cao kết quả thi đẳng cấp cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội

TS. Phùng Xuân Dũng; ThS. Nguyễn Viết Sáng; CN. Nguyễn Văn Duyệt

TÓM TẮT:

Dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn, cũng như thông qua các phương pháp nghiên cứu tiến hành đánh giá thực trạng công tác tổ chức hoạt động thể dục thể thao (TDTT) ngoại khóa của sinh viên (SV) nhà trường. Qua đó lựa chọn được các giải pháp hoạt động TDTT ngoại khóa đảm bảo tính khoa học và thực tiễn, nhằm nâng cao hiệu quả thi đẳng cấp cho SV trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội (ĐHSP TDTT HN).

Từ khóa: giải pháp, ngoại khóa, đẳng cấp, sinh viên, trường Đại học sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thực tế công tác giảng dạy cho SV trường ĐHSP TDTT HN cho thấy ngoài các giờ học nội khóa thì các em SV có nhu cầu hoạt động TDTT ngoại khóa rất lớn, đây là khoảng thời gian các em được vui chơi, giao lưu, được rèn luyện thêm về thể lực, kỹ năng vận động và củng cố thêm kiến thức các môn học trong chương trình chính khóa.

Hiểu rõ tầm quan trọng của lĩnh vực nghiên cứu này, nhiều nhà khoa học giáo dục đã quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên các đề tài nghiên cứu theo hướng nghiên cứu các giải pháp hoạt động TDTT ngoại khóa cho SV chuyên ngành giáo dục thể chất (GDTC) còn rất ít, chủ yếu các đề tài tập trung các giải pháp nâng cao hoạt động TDTT ngoại khóa cho SV không thuộc chuyên ngành GDTC, hoặc học sinh (HS) trung học phổ thông (THPT), đặc biệt dành cho đối tượng SV trường sư phạm TDTT thì chưa có đề tài nào đề cập tới.

Trên cơ sở phân tích ý nghĩa, tầm quan trọng, tính bức thiết của vấn đề căn cứ vào các yêu cầu thực tiễn đòi hỏi nêu trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu **“Nghiên cứu các giải pháp hoạt động TDTT ngoại khóa nhằm nâng cao kết quả thi đẳng cấp cho SV trường ĐHSP TDTT HN”**.

ABSTRACT:

Based on a theoretical and practical basic, as well as through the research methods, we can assess the reality of organizing extracurricular sport activities of our students. Thereby, we select solutions of extracurricular sport activities ensuring scientific and practical character to improve the efficiency of level testing to improve the efficiency of level testing for students of Hanoi University of Physical Education and Sports.

Keywords: solution, extracurricular, levels, students, Hanoi University of Physical Education and Sports.

Để giải quyết nhiệm vụ đặt ra, đề tài sử dụng các phương pháp: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, quan sát sư phạm, kiểm tra sư phạm, thực nghiệm sư phạm, và toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các giải pháp nâng cao kết quả học tập các môn thực hành cho SV trường ĐHSP TDTT HN

2.1.1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các hình thức hoạt động TDTT ngoại khóa

Từ kết quả thu được tại bảng 1 cho thấy về nhu cầu hình thức tập luyện TDTT ngoại khóa của SV là khá đa dạng tuy nhiên tập trung nhiều nhất vào 2 hình thức chính đó là câu lạc bộ (CLB) và đội tuyển, đây là hình thức tập luyện thu hút được đông đảo người tập bởi tính hấp dẫn, tạo được không khí sôi nổi và môi trường giao lưu lành mạnh, sự gắn bó, chia sẻ giữa các SV. Trong đó số SV lựa chọn 2 hình thức này có 1408/1860 SV chiếm tỷ lệ (75.7%). Với 3 hình thức còn lại là tự tập, nhóm lớp và thể dục sáng chiếm (24.3%). Thông qua chỉ số tính $\chi^2_{\text{tính}} = 491.36 > \chi^2_{\text{bảng}} = 10.827$ ở ngưỡng xác suất ($p < 0.001$), cho thấy có sự khác biệt rõ rệt về tỷ lệ lựa chọn hình thức tập luyện.

Bảng 1. Kết quả lựa chọn hình thức tập luyện TDTT ngoại khóa của SV trường DHSP TDTT HN

TT	Hình thức tập luyện	Kết quả phỏng vấn SV (1860)		Tổng hợp		So sánh	
		n_i	%	Σn_i	%	χ^2	p
1	CLB	695	37.36	1408	75.7	491.36	< 0.001
2	Đội tuyển	713	38.33				
3	Nhóm, lớp	161	8.65	452	24.3		
4	Tự tập	152	8.17				
5	Thể dục buổi sáng	139	7.47				

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn lựa chọn các hình thức tổ chức hướng dẫn hoạt động TDTT ngoại khóa

Tổ chức hướng dẫn TDTT ngoại khóa	Ý kiến SV (1860)	
	n_i	%
Thường xuyên có người hướng dẫn	1692	90.97
Có người hướng dẫn nhưng không thường xuyên	97	5.21
Không có người hướng dẫn	71	3.81

Từ kết quả thu được tại bảng 2 cho thấy số SV lựa chọn hình thức tổ chức thường xuyên có người hướng dẫn chiếm đa số 1692/1860 người chiếm tỷ lệ (90.97%), còn hai hình thức tổ chức tập luyện còn lại chiếm số ít trong đó hình thức tổ chức không thường xuyên có người hướng dẫn có 97/1860 chiếm tỷ lệ (5.21%) và hình thức tổ chức tập luyện không có người hướng dẫn có 71/1860 người chiếm tỷ lệ (3.81%). Từ kết quả trên cho thấy tỷ lệ giữa hình thức tổ chức tập luyện có người hướng thường xuyên với hình thức tổ chức không có người hướng dẫn thường xuyên và không có người hướng dẫn là chênh lệch rất lớn. Từ thực tế cho thấy có thể tiến hành TDTT ngoại khóa theo nhiều hình thức khác nhau, nhưng nếu chỉ diễn ra một cách ngẫu hứng, nhất thời, lúc có lúc không, thiếu kế hoạch, chương trình cùng sự giám sát tổ chức thiếu chặt chẽ bài bản thì chắc chắn hiệu quả sẽ không cao. Có thể thấy việc lựa chọn hình thức tổ chức tập luyện ngoại khóa rất quan trọng, với một hoạt động mang tính vừa chơi lại vừa học và liên quan trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng con người thì rất cần được tổ chức một cách bài bản, chặt chẽ, có lẽ đây cũng là lý do mà các em đa số đều lựa chọn hình thức tổ chức tập luyện có người hướng dẫn.

2.1.2. Kết quả lựa chọn nội dung tập luyện TDTT ngoại khóa

Từ kết quả bảng 3 cho thấy tỷ lệ chọn các môn TDTT ngoại khóa như sau: Bơi lội(11.24%), Bóng đá (11.29%), Tennis (11.61%), Bóng chuyền(10.80), Bóng rổ (10.64), Khiêu vũ thể thao (10.53), Cầu lông(11.88). Mặt khác khi tổng hợp tỷ lệ nhóm các môn TDTT ngoại khóa trên chiếm đến (78%) tỷ lệ này khác biệt hoàn toàn so với nhóm các môn TDTT ngoại khóa còn lại là (22%) trong đó Bóng ném chiếm (3.81%), Đá cầu chiếm (3.76%), Cờ vua chiếm tỷ lệ (3.27%), Bóng bàn (3.87%), Bóng rổ (3.6%) và Võ (3.65%), được minh

chứng thông qua chỉ số ($\chi^2_{\text{tính}} = 583.74 > \chi^2_{\text{bảng}} = 10.827$) ở ngưỡng xác suất $p < 0.001$. Từ kết quả nghiên cứu trên cho thấy các môn thể thao mà các em lựa chọn hiện nay đúng theo nhu cầu của xã hội và của lứa trẻ, những môn này dễ tập, ít tốn kém và đây cũng là các môn mà SV thường lựa chọn để thi đấu trước khi tốt nghiệp ra trường. Đặc biệt đối với môn Bơi lội hiện nay chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo là phổ cập bơi cho HS phổ thông, đối với SV có kỹ năng bơi tốt khi ra trường các em xin việc cũng rất thuận lợi, chính vì thế khi đăng ký chuyên sâu đây cũng là môn có số lượng SV đăng ký đông nhất. Như vậy việc lựa chọn các môn thể thao ngoại khóa để đưa vào tập luyện là khâu rất quan trọng. Muốn thu hút được đông đảo SV tham gia thì các môn này phải đáp ứng được nhu cầu, sở thích và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường như sân bãi tập luyện, CSVC và đội ngũ giáo viên (GV), việc lựa chọn các môn thể thao ngoại khóa phải đảm bảo theo nguyện vọng số đông.

2.1.3 Kết quả lựa chọn giải pháp nâng cao chất lượng đối với GV và cải tạo CSVC phục vụ công tác TDTT ngoại khóa

Trên cơ sở phân tích lý luận và đánh giá thực trạng về đội ngũ GV tham gia hướng dẫn tập luyện TDTT ngoại khóa và các điều kiện về CSVC đảm bảo khi tiến hành giờ dạy TDTT ngoại khóa đề tài tiến hành nghiên cứu lựa chọn từng giải pháp, ngoài ra nhằm đánh giá tính cấp thiết và mức độ khả thi của từng biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đối với GV hướng dẫn và cải tạo nâng cấp CSVC phục vụ cho hoạt động TDTT ngoại khóa đề tài thực hiện phỏng vấn đối với cán bộ quản lý, cán bộ GV, SV nhà trường và được trình bày cụ thể tại bảng 4 đến bảng 6, nội dung phỏng vấn là xác định mức độ ưu tiên của các biện pháp tổ chức tập luyện ngoại khóa mà chúng tôi đưa ra ở 3 mức:

Bảng 3. Kết quả lựa chọn nội dung tập luyện TDTT ngoại khóa

TT	Môn thể thao	Tổng thể SV(1860)					
		Kết quả phỏng vấn		Tổng hợp		So sánh	
		n_i	%	$\sum n_i$	%	χ^2	P
1	Bơi lội	209	11.24	1451	78.0	583.74	< 0.001
2	Tennis	216	11.61				
3	Bóng chuyền	201	10.80				
4	Bóng đá	210	11.29				
5	Điền kinh	198	10.64				
6	Cầu lông	221	11.88				
7	Khiêu vũ thể thao	196	10.53	409	22.0		
8	Bóng ném	71	3.81				
9	Đá cầu	70	3.76				
10	Cờ vua	61	3.27				
11	Bóng bàn	72	3.87				
12	Bóng rổ	67	3.6				
13	Võ	68	3.65				

Bảng 4. Kết quả phỏng vấn cán bộ quản lý về tính cấp thiết và tính khả thi của nhóm giải pháp 3 (n = 30)

Nội dung biện pháp	Tính cấp thiết						Tính khả thi					
	Rất cần thiết	Tỷ lệ %	Cần thiết	Tỷ lệ %	Không cần thiết	Tỷ lệ %	Rất khả thi	Tỷ lệ %	Khả thi	Tỷ lệ %	Không khả thi	Tỷ lệ %
Nâng cao chất lượng đối với GV hướng dẫn TDTT ngoại khóa	28	93	2	7	0	0	27	90	3	10	0	0
Cải tạo và nâng cấp sân bãi, dụng cụ tập luyện	26	87	4	13	0	0	28	93	2	7	0	0

Bảng 5. Kết quả phỏng vấn cán bộ GV về tính cấp thiết và tính khả thi của nhóm giải pháp 3 (n = 60)

Nội dung biện pháp	Tính cấp thiết						Tính khả thi					
	Rất cần thiết	Tỷ lệ %	Cần thiết	Tỷ lệ %	Không cần thiết	Tỷ lệ %	Rất khả thi	Tỷ lệ %	Khả thi	Tỷ lệ %	Không khả thi	Tỷ lệ %
Nâng cao chất lượng đối với GV hướng dẫn TDTT ngoại khóa	57	95	3	5	0	0	55	92	5	8	0	0
Cải tạo và nâng cấp sân bãi, dụng cụ tập luyện	56	93	4	7	0	0	54	90	6	10	0	0

* Tính cấp thiết:

- Mức 1: biện pháp rất cần thiết.
- Mức 2: biện pháp cần thiết.
- Mức 3: biện pháp không cần thiết.

* Tính khả thi:

- Mức 1: biện pháp rất khả thi.
- Mức 2: biện pháp khả thi.
- Mức 3: biện pháp không khả thi.

Từ kết quả bảng 4 đến bảng 6. Kết quả phỏng vấn đối với 3 đối tượng đó là cán bộ quản lý, GV và SV của nhà trường về mức độ cấp thiết của 2 biện pháp mà đề tài xây dựng cho thấy có từ 83% đến 95% ý kiến đánh giá về 2 biện pháp trên là rất cần thiết, ngoài ra có từ 5% đến 13% đánh giá ở mức độ cần

thiết, chỉ có 2.2% đến 4% đánh giá ở mức độ không cần thiết. Mặt khác khi đánh giá về tính khả thi của các giải pháp cũng cho thấy có đến 85% đến 93% số cán bộ quản lý, cán bộ GV và SV đánh giá ở mức độ rất khả thi đối với các biện pháp mà chúng tôi xây dựng, cùng với nó còn có từ 7% đến 10.5% đánh giá ở mức độ khả thi, ngoài ra có 3% đến 4.5% đánh giá ở mức độ không khả thi.

Như vậy qua hai lần phỏng vấn về tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp trên mà đề tài xây dựng đều có tỷ lệ cán bộ quản lý, cán bộ GV và SV đánh giá ở mức rất cao, cho thấy đây là những giải pháp rất cần thiết và rất khả thi và chắc chắn khi đưa vào thực hiện sẽ nhận được sự ủng hộ rất lớn từ phía các phòng ban, khoa, bộ môn và SV của nhà trường.

Bảng 6. Kết quả phỏng vấn SV về tính cấp thiết và tính khả thi của nhóm giải pháp 3 (n= 1860)

Nội dung biện pháp	Tính cấp thiết						Tính khả thi					
	Rất cần thiết	Tỷ lệ %	Cần thiết	Tỷ lệ %	Không cần thiết	Tỷ lệ %	Rất khả thi	Tỷ lệ %	Khả thi	Tỷ lệ %	Không khả thi	Tỷ lệ %
Nâng cao chất lượng đối với GV hướng dẫn TDTT ngoại khóa	1673	90	145	7.8	42	2.2	1654	89	142	8.0	64	3.0
Cải tạo và nâng cấp sân bãi, dụng cụ tập luyện	1549	83	241	13	70	4	1583	85	193	10.5	84	4.5

Bảng 7. Kết quả thi đẳng cấp trước TN NĐC và TN

Đẳng Cấp	Nữ SV										So sánh		Nam SV										So sánh	
	NTN (n = 90)					NĐC (n = 91)							NTN (n = 150)					NĐC (n = 151)						
	Số lượt thi	Đạt	%	Không đạt	%	Số lượt thi	Đạt	%	Không đạt	%	χ^2	P	Số lượt thi	Đạt	%	Không đạt	%	Số lượt thi	Đạt	%	Không đạt	%	χ^2	P
C2	118	61	52	57	48	121	65	53.7	56	46.3	0.94	>0.05	169	106	62.7	63	37.3	173	108	62.4	65	37.6	0.99	>0.05
C3	126	72	57.1	54	42.9	132	74	56.1	58	43.9	0.97	>0.05	175	113	64.6	62	35.4	178	112	62.9	66	37.1	0.93	>0.05

2.2. Tổ chức TN

Quá trình thực nghiệm (TN) được tiến hành trong 10 tháng (tương đương với 2 học kỳ), đối tượng TN là SV K45,46,47

Nhóm thực nghiệm (NTN): 240 SV (150 nam và 90 nữ) được hoạt động ngoại khóa theo các biện pháp mà đề tài chúng tôi nghiên cứu ứng dụng

Nhóm đối chiếu (NĐC) gồm: 242 SV (151 nam và 91 nữ) được hoạt động ngoại khóa theo các biện pháp mà nhà trường đang áp dụng

2.3. Kết quả TN sư phạm

2.3.1. Thực trạng kết quả thi đẳng cấp của SV trường ĐHSPTDTTHN

Kết quả kiểm tra đẳng cấp:

Hàng năm, nhà trường tổ chức 2 đợt thi đẳng cấp cho SV, đây là điều kiện bắt buộc để SV được thi tốt nghiệp ra trường. Đối với SV hệ đại học, các em phải đạt một đẳng cấp 2 môn chuyên sâu và hai đẳng cấp 3, trong đó có một đẳng cấp 3 môn Điền kinh và một đẳng cấp 3 môn tự chọn, với mục đích đào tạo người GV TDTT “Biết nhiều môn và giỏi một môn thể thao” việc yêu cầu chuẩn đầu ra thông qua việc kiểm tra đẳng cấp, giúp mỗi SV luôn tự ý thức tự rèn, tự tập để phát triển và duy trì thể lực trong suốt 4 năm học, đây cũng là nền tảng để tiếp thu kỹ thuật và đạt thành tích cao hơn trong học tập. Kết quả được kiểm tra đẳng cấp được trình bày tại bảng 7.

Đối với nữ: từ bảng 7 kết quả kiểm tra đẳng cấp của nữ NTN và đối chiếu trước TN cho thấy, tỷ lệ SV đạt đẳng cấp 2, 3 và không đạt là tương đương nhau, hay nói cách khác kết quả kiểm tra đẳng cấp trước TN của 2 nhóm là đồng đều nhau. Ngoài ra, từ kết quả trên còn

cho thấy tỷ lệ SV đạt đẳng cấp 2 và 3 là rất thấp. Trong đó, với NTN có 61/118 lượt chiếm 52% đạt đẳng cấp 2 và 57/118 lượt chiếm 48% không đạt. 72/126 lượt chiếm 57.1 % đạt đẳng cấp 3 và 54/126 lượt chiếm 42.9% không đạt đẳng cấp. Đối với NĐC 65/121 lượt chiếm 53.7% đạt đẳng cấp 2 và 56/121 lượt không đạt chiếm 46.3%. 74/132 lượt chiếm 56.1% đạt đẳng cấp 3 và 58/132 lượt chiếm 43.9% không đạt đẳng cấp. Từ kết quả phân tích bảng 7 cho số SV đạt đẳng cấp là tương đương nhau, hay nói cách khác sự khác biệt của NTN và NĐC là không có ý nghĩa thống kê, với chỉ số ($\chi^2_{\text{tính}} < \chi^2_{\text{bảng}}$ với $p > 0.05$)

Đối với nam: từ kết quả bảng 7 cho thấy, kết quả kiểm tra đẳng cấp của nam trước TN của NTN và đối chiếu tỷ lệ đạt đẳng cấp còn chưa cao, trong đó NTN có 106/169 lượt đạt đẳng cấp 2 chiếm 62.7% và 63/169 lượt không đạt chiếm 37.3%; ngoài ra có 113/175 lượt đạt đẳng cấp 3 chiếm 64.6% và 62/175 lượt không đạt chiếm 35.4%. Còn NĐC có 108/173 lượt đạt cấp 2 chiếm 62.4% và 65/173 lượt không đạt chiếm 37.6%. cùng với nó còn có 112/178 lượt đạt cấp 3 chiếm 62.9% và 66/178 lượt không đạt chiếm 37.1%. Từ kết quả phân tích trên cho thấy, kết quả kiểm tra trước TN của hai nhóm là tương đương nhau, sự khác biệt của NTN và NĐC là không có ý nghĩa thống kê, với chỉ số ($\chi^2_{\text{tính}} < \chi^2_{\text{bảng}}$ với $p > 0.05$)

2.3.2. Kết quả kiểm tra sau TN

Đối với nữ: qua bảng 8 kết quả kiểm tra đẳng cấp của nữ NTN và đối chiếu (ĐC) sau TN cho thấy, tỷ lệ SV đạt đẳng cấp 2, 3 của NTN đã vượt trội hơn hẳn so với NĐC, đặc biệt nhóm không đạt đẳng cấp của NTN cũng giảm đi nhiều hơn so với NĐC sự khác biệt trên mang ý nghĩa thống kê với chỉ số ($\chi^2_{\text{tính}} < \chi^2_{\text{bảng}}$)

Bảng 8. Kết quả thi đẳng cấp của NTN và NĐC sau TN

Đẳng Cấp	Nữ SV										So sánh		Nam SV										So sánh	
	NTN (n = 90)					NĐC (n = 91)							NTN (n = 150)					NĐC (n = 151)						
	Số lượt thi	Đạt	%	Không đạt	%	Số lượt	Đạt	%	Không đạt	%	χ^2	P	Số lượt thi	Đạt	%	Không đạt	%	Số lượt	Đạt	%	Không đạt	%	χ^2	P
C2	112	96	86	16	14	117	71	60.7	46	39.4	6.9	>0.05	167	148	88.6	19	11.4	171	115	67.3	56	32.7	4.32	<0.05
C3	123	108	87.8	15	12.2	129	80	62	49	38	5.61	>0.05	173	152	87.9	21	12.1	177	122	68.9	55	31.1	6.82	<0.05

với $p > 0.05$). Trong đó, với NTN có 96/112 lượt chiếm 86% đạt đẳng cấp 2 và 16/112 lượt chiếm 14% không đạt. 108/123 lượt chiếm 87.8 % đạt đẳng cấp 3 và 15/123 lượt chiếm 12.2% không đạt đẳng cấp. Đối với NĐC tỷ lệ đạt đẳng cấp thấp hơn rất nhiều trong đó 71/117 lượt chiếm 60.7% đạt đẳng cấp 2 và 46/117 lượt không đạt chiếm 39.4%. 80/129 lượt chiếm 62% đạt đẳng cấp 3 và 49/129 lượt chiếm 38% không đạt đẳng cấp. Từ kết quả phân tích trên cho thấy, các giải pháp mà đề tài đưa vào hoạt động TDTT ngoại khóa đã đem lại kết quả rõ rệt trong việc nâng cao hiệu quả thi đẳng cấp cho SV trong toàn trường.

Đối với nam: từ kết quả bảng 8 cho thấy, số SV nam đạt đẳng cấp 2 và cấp 3 NTN cao hơn nhiều so với NĐC và đặc biệt số SV không đạt đẳng cấp của NTN cũng giảm đi nhiều hơn so với NĐC, điều đó khẳng định rằng, sau thời gian TN thành tích của SV NTN phát triển tốt hơn so với NĐC, sự khác biệt này có ý nghĩa thông qua chỉ số ($\chi^2_{\text{tính}} > \chi^2_{\text{bảng}}$ với $p < 0.05$). Trong đó với NTN có 148/167 lượt chiếm 88.6% đạt đẳng cấp 2 và 19/167 lượt chiếm 11.4% không đạt. 152/173 lượt chiếm 87.9 % đạt đẳng cấp 3 và 21/173 lượt chiếm 12.1% không đạt đẳng cấp. Đối với NĐC tỷ lệ đạt đẳng cấp thấp hơn rất nhiều trong đó 115/171 lượt chiếm 67.3% đạt đẳng cấp 2 và 56/171 lượt không đạt chiếm 32.7%. 122/177 lượt chiếm 68.9% đạt đẳng cấp 3 và 55/177 lượt chiếm 31.1% không đạt đẳng cấp. Từ kết quả nghiên cứu trên của luận án cho thấy, những biện pháp mà đề tài đã đưa vào ứng dụng thực tiễn đã đem lại hiệu quả cao trong việc nâng cao kết quả thi đẳng cấp cho SV trong nhà trường đây là một

trong các điều kiện bắt buộc để SV đủ điều kiện tốt nghiệp ra trường, từ những kết quả nghiên cứu của đề tài đây sẽ là những cơ sở quan trọng giúp cho nhà trường cần điều chỉnh cũng như thay đổi cách thức tổ chức các hoạt động TDTT ngoại khóa nhằm hướng tới nhu cầu của người học, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường nói chung và công tác ngoại khóa nói riêng.

3. KẾT LUẬN

- Kết quả nghiên cứu của đề tài đã lựa chọn được các giải pháp nâng cao kết quả thi đẳng cấp cho SV trường ĐHSP TDTT HN:

Lựa chọn được hình thức tổ chức tập luyện có người hướng dẫn thường xuyên và 02 hình thức tập luyện TDTT ngoại khóa là đội tuyển và CLB.

Lựa chọn được các môn thể thao ngoại khóa gồm: Bóng đá, Tennis, Cầu lông, Điền kinh, Bơi lội, Khiêu vũ thể thao, Bóng chuyền.

Nâng cao chất lượng đối với GV hướng dẫn và cải tạo, nâng cấp CSVC phục vụ hoạt động TDTT ngoại khóa.

- Luận án đã ứng dụng các giải pháp nâng cao kết quả thi đẳng cấp cho SV trường ĐHSP TDTT HN, vào thực tiễn bước đầu đã đem lại kết quả rõ rệt về kết quả thi đẳng cấp của NTN cao hơn hẳn so với NĐC. Điều đó cho thấy 3 giải pháp mà đề tài ứng dụng đã đảm bảo tính khoa học, độ tin cậy trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nói chung của nhà trường và kết quả thi đẳng cấp nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Tiến Dũng (2008), "Nghiên cứu hoạt động TDTT ngoại khóa của HS các trường trung học cơ sở trên địa bàn quận Thủ Đức" Luận văn thạc sĩ khoa học giáo dục.
2. Nguyễn Văn Hòa (2004), "Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động TDTT ngoại khóa đến thể chất và chất lượng học tập của SV trường Đại học Cần Thơ", luận văn thạc sĩ, trường Đại học TDTT II.
3. Lê Trường Sơn Chấn Hải (2012), *Đổi mới chương trình GDTC cho SV các trường Đại học Sư phạm vùng Trung Bắc theo hướng bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức hoạt động TDTT trường học*, Luận án tiến sĩ giáo dục học, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.

Nguồn bài báo: trích từ kết quả nghiên cứu khoa học của luận án tiến sĩ "Nghiên cứu các giải pháp hoạt động TDTT ngoại khóa nhằm nâng cao kết quả thi đẳng cấp cho SV trường ĐHSP TDTT HN", TS. Phùng Xuân Dũng.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18/3/2018; ngày phản biện đánh giá: 6/5/2018; ngày chấp nhận đăng: 9/6/2018)